

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHCQ NĂM 2020

Phụ lục 14

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỂM TRÚNG TUYỂN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2020
ĐÀO TẠO TẠI CỞ SỞ II - TP. HỒ CHÍ MINH (DLS) - NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC (7340404)**

(Xét tuyển bằng hình thức dựa trên kết quả học tập THPT)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2373/QĐ-HĐTSĐHCQ2020 ngày 26/8/2020 của Chủ tịch HĐTSĐHCQ 2020 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTU	KVUT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
1	MÔNG THỊ THU HÀ	072302003146	26/01/2002	Nam	01	1	A00	25.78	28.53	NV1
2	VÕ THỊ MỸ HUYỀN	321776356	07/05/2002	Nam	00	2NT	A00	26.66	27.16	NV1
3	PHÙNG THỊ PHƯƠNG LINH	264551146	16/03/2002	Nam	00	1	A00	26.26	27.01	NV1
4	TRẦN THỊ HƯƠNG	261603579	14/09/2002	Nam	00	1	A00	26.24	26.99	NV1
5	NGUYỄN THỊ BÉ NHÌ	321747324	06/10/2002	Nam	00	3	A01	26.98	26.98	NV1
6	LƯƠNG HUỖNH NHƯ LOAN	079302009920	14/03/2002	Nam	00	2	A00	26.62	26.87	NV1
7	NGÔ THỊ KIM HƯỜNG	312496333	10/11/2002	Nam	00	2NT	A01	26.22	26.72	NV1
8	NGUYỄN CẨM THẢO LY	092302003154	30/08/2002	Nam	00	2	A00	26.34	26.59	NV1
9	NGUYỄN HÀ HUỆ NGÂN	079302012393	02/06/2002	Nam	00	2	A00	26.24	26.49	NV1
10	LÊ THỊ BÍCH NGÂN	312509285	13/11/2002	Nam	00	2	A00	26.22	26.47	NV1
11	LÊ TRUNG KIÊN	342014317	09/06/2001	Nữ	00	2NT	A00	25.92	26.42	NV1
12	PHẠM THỊ MỸ YÊN	301774276	18/06/2002	Nam	00	2NT	A00	25.88	26.38	NV1
13	VÕ MINH ĐẠT	079202033704	02/07/2002	Nữ	00	2	A00	26	26.25	NV1
14	VÕ MINH ĐẠT	079202033704	02/07/2002	Nữ	00	2	A00	26	26.25	NV1
15	ĐẶNG THỊ KIM QUYÊN	321717631	19/01/2002	Nam	00	2NT	A00	25.7	26.2	NV1
16	ĐẶNG THỊ MINH THƯ	025820111	14/05/1999	Nam	00	2	A00	25.82	26.07	NV1
17	NGUYỄN YÊN MY	272904849	14/02/2002	Nam	00	1	A00	25.12	25.87	NV1
18	PHAN THỊ KIM NGỌC	312480079	03/01/2002	Nam	00	2NT	A00	25.36	25.86	NV1
19	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	352657215	14/10/2002	Nam	00	2NT	A00	25.32	25.82	NV1
20	BÙI THỊ YẾN NHÌ	245387810	25/06/2002	Nam	00	1	A01	25.04	25.79	NV1
21	VÕ TUẤN SANG	000291114735	23/01/1996	Nữ	00	2NT	A00	25.26	25.76	NV1

Handwritten signature



STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTU'T	KVU'T	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT
22	PHAN THỊ THANH XUÂN	079302010364	31/08/2002	Nam	00	2	A00	25.5	25.75	NV1
23	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	301792039	10/02/2002	Nam	00	2	D01	25.48	25.73	NV1
24	NGUYỄN THỊ HOÀI OANH	225773695	10/07/2002	Nam	00	2NT	A00	25.22	25.72	NV1
25	LƯƠNG HỒNG PHÚC	261583869	14/09/2002	Nam	00	2	D01	25.42	25.67	NV1
26	NGUYỄN DẠ ĐANG	381971449	26/09/2002	Nam	00	1	A00	24.92	25.67	NV1
27	LÊ NGUYỄN HUỲNH NHƯ	312483353	13/06/2002	Nam	00	2NT	D01	25.16	25.66	NV1
28	HỒ THỊ THỦY TIÊN	079302018269	09/12/2002	Nam	00	2	A00	25.38	25.63	NV1
29	TRẦN THỊ HỒNG XUYỀN	312470944	12/02/2002	Nam	00	2	A00	25.32	25.57	NV1
30	ĐINH THỊ LÀ	251249402	05/06/2002	Nam	00	1	A00	24.78	25.53	NV1
31	ĐỖ HOÀNG PHÚC	079202022413	05/11/2002	Nữ	00	3	A00	25.48	25.48	NV1
32	PHẠM THỊ NGỌC MAI	312495584	03/07/2020	Nam	00	2NT	A01	24.98	25.48	NV1
33	ĐẶNG THỊ HÀ	215600881	17/12/2002	Nam	00	2NT	A01	24.9	25.4	NV1
34	TÔ THỊ TRANG	272892853	26/06/2002	Nam	06	3	A00	24.38	25.38	NV1
35	ĐẶNG LÊ TẤN TRƯỜNG	261619610	08/03/2002	Nữ	00	3	A00	25.36	25.36	NV1
36	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG QUYÊN	301781079	20/02/2002	Nam	00	2NT	A00	24.78	25.28	NV1
37	VÕ THỊ NHÃ LINH	281374488	23/05/2002	Nam	00	2NT	A00	24.78	25.28	NV1
38	VŨ THỊ HẠNH XUÂN	079302006780	31/01/2002	Nam	00	3	D01	25.26	25.26	NV1
39	ĐẶNG THỊ NHƯ QUỲNH	215522535	23/01/2002	Nam	00	1	D01	24.5	25.25	NV1
40	THÁI TƯỜNG VY	30179621	10/02/2002	Nam	00	2NT	A00	24.72	25.22	NV1
41	NGUYỄN THỊ TRÚC PHƯƠNG	312495455	01/09/2002	Nam	00	2NT	A00	24.62	25.12	NV1
42	PHẠM THỊ HOÀI NAM	187947183	28/02/2001	Nam	00	1	A00	24.36	25.11	NV1
43	PHAN THỊ THANH THANH	079302016709	22/04/2002	Nam	00	2	D01	24.8	25.05	NV1
44	VÕ ĐỨC LINH	272907141	28/02/2001	Nữ	00	3	A00	25.04	25.04	NV1
45	NGUYỄN THANH NHƯ QUỲNH	079302017747	01/09/2002	Nam	00	2	D01	24.76	25.01	NV1
46	NGUYỄN THỊ HƯƠNG THẢO	215522931	24/03/2002	Nam	00	1	A01	24.26	25.01	NV1
47	HỒ THỊ PHƯƠNG ANH	301768530	23/03/2002	Nam	00	2NT	D01	24.5	25	NV1
48	HUỲNH THỊ HƯƠNG THANH	264546650	09/06/2002	Nam	00	2NT	D01	24.46	24.96	NV1
49	NGUYỄN HOÀNG TRÚC VY	301697673	27/03/2002	Nam	00	2NT	A00	24.46	24.96	NV1
50	PHẠM THỊ DIỆU HƯƠNG	264551190	08/07/2002	Nam	00	1	A00	24.2	24.95	NV1
51	NGUYỄN AN BÌNH NHÌ	074302000196	30/03/2002	Nam	00	3	A00	24.94	24.94	NV1
52	NGUYỄN MINH TRÍ	215576035	03/07/2002	Nữ	00	3	A00	24.94	24.94	NV1
53	KIỀU THỊ KIM PHƯỢNG	272796501	01/03/2001	Nam	00	2	A00	24.66	24.91	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTU'T	KVU'T	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
54	LÊ NGUYỄN NHẬT VUI	079302009787	01/05/2002	Nam	00	3	A00	24.9	24.9	NV1
55	THIỆM THỊ LỆ THU	077302002787	22/12/2002	Nam	00	2	A00	24.6	24.85	NV1
56	DƯƠNG HUYỀN TRANG	245413004	02/01/2002	Nam	01	1	D01	22.08	24.83	NV1
57	ĐÌNH THỊ LỆ HUYỀN	272952123	18/10/2002	Nam	00	2NT	A00	24.32	24.82	NV1
58	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	079302030732	29/10/2002	Nam	00	2	A00	24.52	24.77	NV1
59	NGUYỄN THỊ TRÚC LINH	312528265	02/12/2002	Nam	00	3	A00	24.74	24.74	NV1
60	LÊ TÚ ANH	281271750	11/08/2002	Nam	00	3	A00	24.58	24.58	NV1
61	VÕ THỊ THANH NGÂN	321619463	17/07/2002	Nam	00	2	D01	24.32	24.57	NV1
62	NGUYỄN THỊ NGỌC THÚY	079302020739	03/04/2002	Nam	00	3	D01	24.54	24.54	NV1
63	TÀI THỊ HỒNG NHUNG	264573514	05/05/2002	Nam	01	2NT	A00	22.04	24.54	NV1
64	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	312477998	13/05/2002	Nam	00	2NT	D01	24	24.5	NV1
65	TRẦN THỊ MAI HOA	251295477	21/08/2002	Nam	00	1	A00	23.66	24.41	NV1
66	VÕ BÙI PHƯƠNG UYÊN	261603206	31/10/2002	Nam	00	1	A01	23.66	24.41	NV1
67	NGUYỄN THỊ QUẾ TRẦN	079302018067	27/12/2002	Nam	00	2	A00	24.12	24.37	NV1
68	HỒ THỊ HẢI YẾN	188009063	14/09/2002	Nam	00	1	D01	23.58	24.33	NV1
69	TRẦN THỊ PHƯƠNG	261566373	30/09/2002	Nam	00	1	A01	23.54	24.29	NV1
70	NGUYỄN THỊ YẾN MY	312504373	17/10/2002	Nam	00	2NT	A00	23.76	24.26	NV1
71	PHÙNG THỊ TUYẾT MAI	301829586	30/04/2002	Nam	00	2NT	A00	23.74	24.24	NV1
72	PHẠM THỊ HỒNG THANH	079302021494	12/05/2002	Nam	00	2	A00	23.98	24.23	NV1
73	PHẠM THỊ VÂN AN	321812695	06/01/2002	Nam	00	2NT	A00	23.72	24.22	NV1
74	NGUYỄN DƯƠNG TRÚC PHƯƠNG	072302000815	12/11/2002	Nam	00	3	A00	24.16	24.16	NV1
75	NGUYỄN THỊ LAN THỊ	212851145	23/08/2002	Nam	00	2NT	A00	23.62	24.12	NV1
76	CAO THỊ THANH TUYỀN	077302001717	11/09/2002	Nam	00	2	A00	23.86	24.11	NV1
77	TRẦN THỊ HỒNG TRANG	251276366	20/03/2002	Nam	00	1	A01	23.32	24.07	NV1
78	LÊ NGUYỄN HIẾU NGỌC	079302031550	28/08/2002	Nam	00	3	A00	24.02	24.02	NV1
79	NGUYỄN THỊ DIỄM LY	212439603	22/04/2002	Nam	00	2NT	A00	23.5	24	NV1
80	VÕ THỊ HẢI YẾN	044302003732	11/02/2002	Nam	00	2NT	A00	23.48	23.98	NV1
81	NGUYỄN NGỌC ANH	079302030176	05/02/2002	Nam	00	2	A00	23.68	23.93	NV1
82	LÊ NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	091302000159	11/09/2002	Nam	00	3	D01	23.9	23.9	NV1
83	PHẠM THỊ HỒNG TRINH	215540510	04/08/2002	Nam	00	2NT	A01	23.4	23.9	NV1
84	DƯƠNG THỊ NHÂN	372023512	15/09/2002	Nam	01	1	D01	21.14	23.89	NV1
85	VÕ THỊ CẨM NHUNG	072302005165	04/09/2002	Nam	00	2NT	A00	23.38	23.88	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTU'T	KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
86	PHẠM NGUYỄN YẾN OANH	312508856	17/12/2002	Nam	00	2NT	A00	23.34	23.84	NV1
87	NGUYỄN THỊ THÚY OANH	312503434	10/02/2002	Nam	00	2NT	A00	23.24	23.74	NV1
88	THÁI PHI YẾN	079302030713	30/10/2002	Nam	00	3	A00	23.74	23.74	NV1
89	VÕ THỊ HOÀNG LAM	321728854	06/08/2002	Nam	00	2NT	A01	23.22	23.72	NV1
90	HOÀNG VŨ YẾN NGÀ	030302002531	16/06/2002	Nam	00	2	A00	23.44	23.69	NV1
91	NGÔ THỊ NHƯ HUỠNH	342041179	26/12/2002	Nam	00	2	D01	23.38	23.63	NV1
92	BÙI THỊ XUÂN YẾN	212898120	10/04/2002	Nam	00	2NT	A00	23.1	23.6	NV1
93	HUỠNH QUỐC HẢI	079202020910	18/03/2002	Nữ	00	3	A00	23.6	23.6	NV1
94	PHAN THANH GIANG	301774268	24/10/2002	Nữ	00	2NT	A00	23.1	23.6	NV1
95	VÕ THỊ TRÚC PHƯƠNG	342019992	18/06/2001	Nam	00	2NT	D01	23.04	23.54	NV1
96	LÊ THỊ KHÁNH ĐOAN	301784042	25/03/2002	Nam	00	2NT	A01	22.98	23.48	NV1
97	NGÔ DUY KHANG	312489948	15/09/2002	Nữ	00	2NT	D01	22.98	23.48	NV1
98	NGUYỄN KHOA THỦY TIÊN	082302000106	18/09/2002	Nam	00	2NT	D01	22.94	23.44	NV1
99	NGUYỄN NGỌC TUYỀN	079302022181	30/11/2002	Nam	00	3	A00	23.42	23.42	NV1
100	NGUYỄN THỊ KIM XUYỀN	312482124	10/02/2002	Nam	00	2NT	D01	22.84	23.34	NV1
101	NGUYỄN XUÂN UYÊN	075302000397	25/03/2002	Nam	00	3	D01	23.34	23.34	NV1
102	LÊ NGUYỄN ANH THƯ	312534045	01/04/2002	Nam	00	2NT	D01	22.82	23.32	NV1
103	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ	312483093	23/01/2002	Nam	00	2NT	A01	22.82	23.32	NV1
104	LÊ THỊ TRÚC LY	321843946	14/09/2002	Nam	00	2NT	A00	22.8	23.3	NV1
105	NGUYỄN QUỐC TRƯỜNG	301721413	21/06/2000	Nữ	00	2NT	A00	22.8	23.3	NV1
106	MAI THỊ HẬU	038302003137	18/12/2002	Nam	00	2NT	D01	22.74	23.24	NV1
107	TRẦN HUỠNH MINH HIỆU	301813530	14/01/2002	Nam	00	2NT	A00	22.72	23.22	NV1
108	NGUYỄN LÊ NGỌC THƯ	215542331	09/01/2002	Nam	00	1	A01	22.46	23.21	NV1
109	TRẦN THỊ HỒNG QUYÊN	079302019928	29/09/2002	Nam	00	2	A00	22.92	23.17	NV1
110	LÊ HỒ MINH QUYÊN	079302009765	06/10/2002	Nam	00	3	D01	23.14	23.14	NV1
111	NGUYỄN THỊ NGỌC THƯƠNG	212434575	06/06/2002	Nam	00	2NT	D01	22.52	23.02	NV1
112	MA THỊ HUỆ	091960776	19/01/2001	Nam	00	1	D01	22.26	23.01	NV1
113	ĐỖ THỊ THU THẢO	272909767	21/09/2001	Nam	00	2	D01	22.72	22.97	NV1
114	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	079302025441	01/01/2002	Nam	00	2	A00	22.7	22.95	NV1
115	PHẠM THỊ HỒNG THẨM	301797798	06/06/2002	Nam	00	2NT	A00	22.42	22.92	NV1
116	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	261566031	29/11/2002	Nam	00	1	A01	22.14	22.89	NV1
117	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	312480471	10/04/2002	Nam	00	1	A00	22.14	22.89	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTU	KV	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
118	NGUYỄN THANH TÙNG	301791235	03/09/2002	Nữ	00	2NT	A00	22.38	22.88	NV1
119	NGUYỄN THỊ KIM LOAN	301772996	23/09/2002	Nam	00	2NT	A00	22.38	22.88	NV1
120	NGO TRỊNH UYÊN THY	366344129	14/05/2002	Nam	00	3	D01	22.82	22.82	NV1
121	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	301782977	27/09/2002	Nam	00	2NT	D01	22.26	22.76	NV1
122	TỔNG ĐẶNG HẢI SÂM	251228392	25/09/2002	Nam	00	1	A00	21.96	22.71	NV1
123	TRẦN QUỐC KHÁNH	072201000744	11/03/2001	Nữ	00	1	A00	21.9	22.65	NV1
124	LÊ THỊ MỸ DUYỀN	312531426	20/12/2002	Nam	00	2NT	D01	22.12	22.62	NV1
125	TRẦN THỊ MỸ TÂM	184441586	25/09/2002	Nam	00	1	D01	21.84	22.59	NV1
126	PHẠM THANH TÚ	272880023	03/10/2002	Nữ	00	2NT	A01	22	22.5	NV1
127	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	312508725	10/02/2002	Nữ	00	2NT	A00	21.96	22.46	NV1
128	NGUYỄN ĐIỂM QUỲNH	312487912	28/11/2002	Nam	00	2	D01	22.18	22.43	NV1
129	LÊ ANH THƠ	188036383	22/10/2002	Nam	00	2NT	D01	21.92	22.42	NV1
130	NGUYỄN PHAN TÚ ANH	285774272	16/05/2002	Nam	00	1	D01	21.66	22.41	NV1
131	TRẦN NGỌC QUỐC TỬ	079202011778	15/07/2002	Nữ	00	3	D01	22.4	22.4	NV1
132	NGUYỄN THÀNH LONG	272892830	27/07/2002	Nữ	00	1	A00	21.64	22.39	NV1
133	BÙI NGÔ PHƯƠNG THẢO	079302002006	24/07/2002	Nam	00	3	A00	22.38	22.38	NV1
134	LÊ THỊ HỒNG PHÚC	261547911	21/08/2002	Nam	00	2NT	A00	21.86	22.36	NV1
135	MAI THỊ HOÀNG LAN	276001042	25/12/2002	Nam	00	1	A00	21.6	22.35	NV1
136	TRẦN THỊ XUÂN THƯ	272941153	09/10/2002	Nam	00	1	D01	21.58	22.33	NV1
137	VŨ THỊ MỸ HẠNH	251282541	29/03/2002	Nam	00	1	A00	21.58	22.33	NV1
138	HỨA NHẬT QUÍ	366319527	22/05/2002	Nam	00	2	A00	22.06	22.31	NV1
139	TRẦN THỊ KIỀU OANH	272920028	06/09/2002	Nam	00	2	A00	22	22.25	NV1
140	PHẠM THỊ MỸ TIỀN	072302007182	28/08/2002	Nam	00	2NT	A00	21.74	22.24	NV1
141	PHAN ĐẶNG KIỀU TRINH	215560841	20/06/2002	Nam	00	2NT	A00	21.74	22.24	NV1
142	CHUNG NGỌC THU PHƯƠNG	079302010048	07/11/2002	Nam	00	3	D01	22.2	22.2	NV1
143	PHẠM THỊ HỒNG SƯƠNG	312495666	05/09/2002	Nam	00	2NT	A00	21.7	22.2	NV1
144	PHAN THỊ NGỌC BÍCH	072302004791	04/07/2002	Nam	00	1	A00	21.44	22.19	NV1
145	NGUYỄN THỊ THỊ	215559108	19/05/2002	Nam	00	1	D01	21.4	22.15	NV1
146	LÂM TRẦN ĐĂNG	079202028661	02/11/2002	Nữ	00	3	A00	22.12	22.12	NV1
147	NGUYỄN THỊ THU NGÀ	312502395	04/09/2002	Nam	00	2NT	D01	21.62	22.12	NV1
148	TRẦN PHƯƠNG THẢO	025994221	30/03/2000	Nam	00	2	A00	21.84	22.09	NV1
149	TRẦN VỸ NHÂN	281294369	01/07/2002	Nữ	00	2NT	A00	21.58	22.08	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTUT	KVUT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
150	NGUYỄN THỊ HỒNG ĐÀO	079302016818	08/04/2002	Nam	00	3	A01	22.06	22.06	NV1
151	NGUYỄN NGỌC HÂN	072302001911	03/08/2002	Nam	00	2NT	A00	21.54	22.04	NV1
152	NGUYỄN NGÔ MỸ DUYÊN	312499660	12/09/2002	Nam	00	2NT	D01	21.52	22.02	NV1
153	LÊ THỊ TRÚC XUÂN	352629681	02/02/2002	Nam	00	2	D01	21.76	22.01	NV1
154	NGUYỄN THỊ HẢI YÊN	187885524	24/06/2002	Nam	00	2	D01	21.76	22.01	NV1
155	TRẦN NGUYỄN BÍCH TRÂM	352614411	03/11/2002	Nam	00	2	D01	21.76	22.01	NV1
156	PHẠM THỊ KIM NGỌC	079302010381	04/07/2002	Nam	00	2	A00	21.72	21.97	NV1
157	VÕ THỊ HOÀI VY	231337405	19/05/2002	Nam	00	1	A00	21.22	21.97	NV1
158	NGUYỄN THỊ KIM TIỀN	285812226	16/05/2002	Nam	00	1	A00	21.2	21.95	NV1
159	PHẠM THỊ HOÀI THƯƠNG	272883274	12/07/2002	Nam	00	2	A00	21.7	21.95	NV1
160	NGUYỄN TRÚC LINH	079302016000	10/01/2002	Nam	00	2	A00	21.58	21.83	NV1
161	NGUYỄN THỊ KIM CÚC	272907835	06/06/2002	Nam	00	1	A00	21.02	21.77	NV1
162	ĐOÀN NGÔ THÚY VY	079302024446	09/01/2002	Nam	00	3	D01	21.74	21.74	NV1
163	BÙI THỊ NGỌC LAN	285839790	23/04/2002	Nam	01	1	D01	18.98	21.73	NV1
164	DƯƠNG MINH KHA	082202000187	23/10/2002	Nữ	00	3	A00	21.72	21.72	NV1
165	VŨ TÙNG KHÁNH NGỌC	212885941	25/09/2002	Nam	00	2	D01	21.42	21.67	NV1
166	TRƯƠNG THỊ MỘNG THÚY	312485722	21/11/2002	Nam	00	1	D01	20.9	21.65	NV1
167	LƯƠNG NGỌC BẢO NGÂN	072301001298	03/07/2001	Nam	00	2	A00	21.36	21.61	NV1
168	NGUYỄN TRUNG HẬU	079202010559	10/02/2002	Nam	00	2	A00	21.34	21.59	NV1
169	PHẠM ANH VŨ	079202033087	08/01/2002	Nữ	00	3	D01	21.58	21.58	NV1
170	VÕ THỊ LAN TIỀN	072302001625	02/09/2002	Nam	00	2NT	A00	21.04	21.54	NV1
171	BÙI NGỌC DŨNG	241981509	22/01/2002	Nữ	00	1	D01	20.76	21.51	NV1
172	HUỖNH NGỌC THỦY DƯƠNG	087302000088	25/12/2002	Nam	00	2	A00	21.24	21.49	NV1
173	LÊ VŨ THẢO VY	312442534	18/11/2000	Nam	00	3	A00	21.46	21.46	NV1
174	LÊ ĐIỂM QUỲNH	264554666	03/10/2002	Nam	00	2	A01	21.18	21.43	NV1
175	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	272872018	08/07/2002	Nam	00	2	D01	21.14	21.39	NV1
176	MAI THỊ THÚY LOAN	321737432	10/02/2002	Nam	00	2NT	D01	20.88	21.38	NV1
177	NGUYỄN DƯƠNG BẢO THY	272963025	22/02/2002	Nam	00	2	A00	21.12	21.37	NV1
178	NGUYỄN HỒNG HẠNH	079302034061	05/03/2002	Nam	00	2	A00	21.12	21.37	NV1
179	VÕ KHẢI HOÀN	301849396	20/12/2002	Nữ	00	2	D01	21.08	21.33	NV1
180	TRẦN KIM OANH	261660443	08/11/2002	Nam	00	2	A01	21.06	21.31	NV1
181	DƯƠNG THANH VIỆT	079202018657	25/10/2002	Nữ	00	3	D01	21.3	21.3	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTU	KVUT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
182	NGUYỄN HẢI YẾN	077302000200	14/03/2002	Nam	00	2	D01	21	21.25	NV1
183	BÙI THỊ TƯỜNG VY	301807450	02/05/2002	Nam	00	2NT	A00	20.74	21.24	NV1
184	NGUYỄN DƯƠNG TUYẾT NGHI	079302016212	08/07/2002	Nam	00	2	D01	20.98	21.23	NV1
185	TẠ THỊ HỒNG QUYÊN	206035038	19/01/1998	Nam	00	3	A00	21.2	21.2	NV1
186	LÊ QUỲNH NHƯ	264567688	29/09/2002	Nam	00	2	D01	20.94	21.19	NV1
187	NGUYỄN MINH NGÂN	285774328	08/02/2002	Nam	00	1	A00	20.42	21.17	NV1
188	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MINH	072302003082	11/10/2002	Nam	00	2NT	A00	20.66	21.16	NV1
189	PHẠM THỊ KIM DUYÊN	079302005873	01/06/2002	Nam	00	3	A01	21.16	21.16	NV1
190	PHAN THỊ QUỲNH NHƯ	285848851	06/08/2002	Nam	00	1	D01	20.4	21.15	NV1
191	HOÀNG ĐÌNH VIỆT HÙNG	079202009264	08/10/2002	Nữ	00	3	A00	21.08	21.08	NV1
192	TRẦN VIỆT HÀ	264561492	31/03/2002	Nam	00	2NT	D01	20.56	21.06	NV1
193	TRƯƠNG THỊ LỆ THI	364206491	13/12/2002	Nam	00	2	A00	20.8	21.05	NV1
194	VĂN CHU ANH	231348575	12/03/2002	Nam	00	1	D01	20.3	21.05	NV1
195	DƯƠNG THÀNH THẮNG	079202018656	25/10/2002	Nữ	00	3	D01	21.04	21.04	NV1
196	HẠ THỊ THU PHƯƠNG	272912961	19/12/2002	Nam	00	2NT	A01	20.54	21.04	NV1
197	LÊ YẾN NHI	264567232	07/11/2002	Nam	00	2	D01	20.76	21.01	NV1
198	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	334984508	03/04/2002	Nam	00	1	A01	20.26	21.01	NV1
199	TRẦN THỊ BÌNH	301755655	06/07/2002	Nam	00	2NT	D01	20.5	21	NV1
200	TRẦN THỊ NGỌC ANH	272887454	07/08/2002	Nam	00	2NT	A00	20.5	21	NV1
201	HUỲNH PHƯƠNG TRINH	079302034229	10/05/2002	Nam	00	3	D01	20.98	20.98	NV1
202	NGUYỄN THỤY MINH CHÂU	072302005438	26/06/2002	Nam	00	2NT	D01	20.48	20.98	NV1
203	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	261554235	22/11/2002	Nam	00	2	D01	20.66	20.91	NV1
204	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG NAM	079302026391	18/06/2002	Nam	00	3	D01	20.9	20.9	NV1
205	PHAN THỊ LỆ HUYỀN	221515750	21/12/2002	Nam	00	2	A00	20.62	20.87	NV1
206	LÊ THỊ KIM XUYỀN	079302031740	07/06/2002	Nam	00	3	A00	20.82	20.82	NV1
207	TRẦN NGUYỄN TRÀ MY	321811611	08/11/2002	Nam	00	2NT	D01	20.3	20.8	NV1
208	VÕ HẢI ĐĂNG	079202014808	16/07/2002	Nữ	00	3	D01	20.8	20.8	NV1
209	LÊ MINH TUẤN	251198610	28/01/2001	Nữ	00	1	A01	20	20.75	NV1
210	NGUYỄN BẠCH NGỌC TRINH	261617642	09/12/2002	Nam	00	2NT	D01	20.24	20.74	NV1
211	TRẦN THỊ KIM KHÁNH	301790363	27/02/2002	Nam	00	2NT	A00	20.22	20.72	NV1
212	LÊ THỊ MỸ THU	264548790	01/10/2002	Nam	00	2	A00	20.46	20.71	NV1
213	LÊ THỊ MỸ THU	264548790	01/10/2002	Nam	00	2	A00	20.46	20.71	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTU'T	KVU'T	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
214	NGÔ THỊ TRANG	038302018447	22/01/2002	Nam	00	2NT	D01	20.2	20.7	NV1
215	TRẦN THỊ LAN HƯƠNG	001302026749	06/04/2002	Nam	00	3	D01	20.7	20.7	NV1
216	DƯƠNG THỊ HỒNG NHUNG	241992455	29/01/2002	Nam	00	1	A00	19.94	20.69	NV1
217	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	285834062	30/11/2002	Nam	00	1	D01	19.94	20.69	NV1
218	NGUYỄN KIM NGỌC	301747206	29/04/2001	Nam	00	2NT	A00	20.14	20.64	NV1
219	LÊ THỊ MỸ DUYỀN	197408743	24/10/2002	Nam	00	1	D01	19.88	20.63	NV1
220	NGUYỄN ĐĂNG THANH TUẤN	038202000128	20/05/2002	Nữ	00	3	D01	20.62	20.62	NV1
221	LÊ QUỲNH NHƯ	079302017387	21/04/2002	Nam	00	2	D01	20.34	20.59	NV1
222	ĐẶNG THỊ HỒNG XUYẾN	301801484	07/03/2002	Nam	00	2NT	A00	20.08	20.58	NV1
223	BÙI XUÂN MAI	079302013832	04/04/2002	Nam	00	3	A00	20.54	20.54	NV1
224	PHAN THỊ HÀ PHƯƠNG	184451420	15/09/2002	Nam	00	2NT	D01	20.02	20.52	NV1
225	NGÔ CHÊ THANH	364102110	16/11/2000	Nữ	00	2	A00	20.24	20.49	NV1
226	TRƯƠNG TUẤN ĐẠT	035099002896	11/12/1999	Nữ	00	3	A00	20.46	20.46	NV1
227	TRẦN PHƯƠNG TRÚC MỊ	352567665	22/02/2002	Nam	00	2	A01	20.2	20.45	NV1
228	BÙI THÀNH LUÂN	066202000050	18/08/2002	Nữ	00	3	A00	20.42	20.42	NV1
229	PHẠM THỊ NHƯ NGỌC	079302009618	09/10/2002	Nam	00	3	A00	20.42	20.42	NV1
230	VÕ GIA THỊNH	321775806	09/07/2002	Nữ	00	2NT	A00	19.92	20.42	NV1
231	LƯU BẢO TRẦN	342019173	22/12/2002	Nam	00	3	D01	20.4	20.4	NV1
232	CHÂU ÁI LIÊN	312486387	06/03/2002	Nam	00	2	A01	20.14	20.39	NV1
233	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	215551432	22/04/2002	Nam	00	2NT	D01	19.86	20.36	NV1
234	LÊ ĐIỂM QUỲNH	038302006712	10/01/2002	Nam	00	2	D01	20.1	20.35	NV1
235	NGUYỄN VI TRÍ	276031092	27/10/2002	Nam	00	1	A00	19.56	20.31	NV1
236	VÕ TRẦN PHƯƠNG TRANG	242006781	29/10/2002	Nam	00	1	D01	19.52	20.27	NV1
237	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LOAN	001302026985	29/08/2002	Nam	00	2	D01	20	20.25	NV1
238	NGUYỄN NGỌC MY	385879774	24/04/2002	Nam	00	2	A00	19.98	20.23	NV1
239	ĐOÀN VIỆT ĐỨC	381962319	16/07/2002	Nữ	00	2	D01	19.96	20.21	NV1
240	NGUYỄN NHƯ THẢO	301791227	12/12/2002	Nam	00	2NT	D01	19.68	20.18	NV1
241	VŨ HỒNG NHẬT QUANG	080202000291	17/01/2002	Nữ	01	2	A00	17.92	20.17	NV1
242	LÂM THỊ TUYẾT NGÂN	084301000133	20/01/2001	Nam	00	3	D01	20.12	20.12	NV1
243	TRẦN MINH KHOA	321719707	27/07/2002	Nữ	00	2NT	D01	19.62	20.12	NV1
244	LÊ THỊ KIỀU MY	212531937	25/10/2002	Nam	00	1	D01	19.36	20.11	NV1
245	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	261583983	08/03/2002	Nam	00	2	D01	19.84	20.09	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTƯT	KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
246	ĐỖ THƯ LÊ	072302007415	23/04/2002	Nam	00	2NT	A00	19.58	20.08	NV1
247	NGUYỄN YÊN NHI	321842731	24/12/2002	Nam	00	1	A00	19.3	20.05	NV1
248	ĐẶNG MINH NGHĨA	086202000081	22/10/2002	Nữ	00	3	A00	20.04	20.04	NV1
249	TRẦN THANH LAN	079302018138	14/06/2002	Nam	00	2	D01	19.78	20.03	NV1
250	LÊ MỸ LINH	312559799	19/09/2002	Nam	00	2NT	A00	19.52	20.02	NV1
251	TRẦN NGUYỄN BẢO LINH	285836556	29/10/2002	Nam	00	1	D01	19.26	20.01	NV1
252	TRẦN MỸ TIẾN	231322993	24/12/2001	Nam	00	1	A00	19.2	19.95	NV1
253	NGUYỄN THỊ BÍCH CHÂU	072302001895	27/04/2002	Nam	00	2NT	D01	19.44	19.94	NV1
254	TRẦN THỊ DỊU	231298779	30/07/2002	Nam	00	1	D01	19.18	19.93	NV1
255	PHẠM THỊ NGỌC TUYẾN	301797403	08/05/2002	Nam	00	2NT	A00	19.4	19.9	NV1
256	MAI THỊ NỮ	215559936	11/09/2002	Nam	00	1	D01	19.1	19.85	NV1
257	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	079302014665	01/05/2002	Nam	00	2	A00	19.58	19.83	NV1
258	TRẦN BÙI THIÊN TÂM	272844557	26/05/2002	Nam	00	2	D01	19.44	19.69	NV1
259	VÕ MỸ XUYỀN	342120731	22/10/2002	Nam	00	2NT	A00	19.16	19.66	NV1
260	NGUYỄN HUỲNH NGỌC TRÂM	272880086	18/06/2002	Nam	00	2NT	A00	19.14	19.64	NV1
261	TRẦN GIA LINH	321718736	08/03/2002	Nam	00	2NT	D01	19.14	19.64	NV1
262	NGUYỄN THỊ BÍCH HÀ	221543850	16/06/2002	Nam	00	2	A00	19.38	19.63	NV1
263	PHẠM THỊ THÚY HƯƠNG	036301005733	08/02/2001	Nam	00	2NT	D01	19.12	19.62	NV1
264	VŨ THỊ NGỌC	071100737	25/12/2002	Nam	00	3	A01	19.62	19.62	NV1
265	VÕ NGỌC BẢO CHÂU	079302016925	16/08/2002	Nam	00	2	A00	19.36	19.61	NV1
266	NGUYỄN THÀNH TÀI	385870299	25/09/2002	Nữ	00	2	A00	19.3	19.55	NV1
267	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	285806328	11/01/2002	Nam	00	1	A00	18.78	19.53	NV1
268	CAO ĐÌNH NGỌC	187946876	06/07/2002	Nữ	00	2NT	D01	19.02	19.52	NV1
269	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NHI	215561541	22/02/2002	Nam	00	2NT	D01	18.98	19.48	NV1
270	TRẦN PHƯƠNG DUNG	241948129	13/01/2002	Nam	00	1	D01	18.72	19.47	NV1
271	NGUYỄN TRẦN THANH TRÚC	079300000718	25/05/2000	Nam	00	3	A00	19.44	19.44	NV1
272	ĐẶNG THỊ HOÀI AN	261666802	09/04/2002	Nam	00	2	D01	19.18	19.43	NV1
273	ĐỖ LÊ THÚY TRÂM	079301010109	19/11/2001	Nam	00	3	D01	19.42	19.42	NV1
274	LÊ QUANG TRUNG	245460998	12/10/2002	Nữ	00	1	A00	18.66	19.41	NV1
275	NGUYỄN THỊ XUÂN TUYẾT	281304475	25/08/2002	Nam	00	2	A00	19.16	19.41	NV1
276	NGUYỄN THÚY HỒNG	312490944	20/07/2002	Nam	00	2	D01	19.16	19.41	NV1
277	DƯƠNG HOÀNG TÙNG	079202028347	21/09/2002	Nữ	00	2	D01	19.1	19.35	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTƯT	KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
278	PHẠM THÀNH TÀI	079202033214	04/09/2002	Nữ	00	3	D01	19.32	19.32	NV1
279	NGUYỄN HỒNG NGỌC	079302004678	06/09/2002	Nam	00	3	D01	19.3	19.3	NV1
280	LÝ THANH NHẤN	272931664	26/07/2002	Nữ	00	1	D01	18.5	19.25	NV1
281	VŨ THỊ MỸ LINH	272876998	05/07/2002	Nam	00	2NT	D01	18.74	19.24	NV1
282	LÊ ĐẶNG PHƯƠNG UYÊN	072302005933	20/10/2002	Nam	00	2NT	D01	18.72	19.22	NV1
283	LÊ ĐẶNG PHƯƠNG UYÊN	072302005933	20/10/2002	Nam	00	2NT	D01	18.72	19.22	NV1
284	NGUYỄN YẾN NHI	072302007283	19/12/2002	Nam	00	2	D01	18.96	19.21	NV1
285	NGUYỄN THỊ THU SƯƠNG	312467869	02/11/2001	Nam	00	2NT	A00	18.68	19.18	NV1
286	NGUYỄN TRẦN HỒNG MAI	079302014437	03/08/2002	Nam	00	3	D01	19.18	19.18	NV1
287	MAI THÀNH DANH	251314369	13/04/2002	Nữ	00	1	A00	18.38	19.13	NV1
288	BÙI THUY PHƯƠNG QUỲNH	285735914	24/09/2002	Nam	00	1	A01	18.32	19.07	NV1
289	HUỖNH CÔNG THÁI	079201030809	10/01/2001	Nữ	00	2	A00	18.7	18.95	NV1
290	NGUYỄN CAO THẢO NGUYỄN	072302002801	25/02/2002	Nam	00	1	D01	18.2	18.95	NV1
291	NGUYỄN THÀNH DANH	079202027830	13/09/2002	Nữ	00	2	A00	18.66	18.91	NV1
292	NGUYỄN HỒ ANH THƯ	301737584	11/09/2002	Nam	00	2NT	D01	18.38	18.88	NV1
293	PHAN LÊ XUÂN HIỀN	079202011993	27/02/2002	Nữ	00	3	A01	18.88	18.88	NV1
294	TRƯƠNG NGỌC TRÚC	072302007464	01/11/2002	Nam	00	2	D01	18.62	18.87	NV1
295	HUỖNH THỊ MINH ÁNH	242006786	06/12/2002	Nam	00	1	A01	18.04	18.79	NV1
296	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	079302033171	16/11/2002	Nam	00	3	D01	18.76	18.76	NV1
297	BÙI THANH LINH	034302010861	30/05/2002	Nam	00	2	D01	18.5	18.75	NV1
298	VÕ CHIÊU QUÂN	072302001876	01/01/2002	Nam	00	2	D01	18.44	18.69	NV1
299	LÊ THỊ KIM BIỂN	079302015102	17/10/2002	Nam	00	3	D01	18.68	18.68	NV1
300	NGUYỄN HÀ THANH VY	079302014126	14/11/2002	Nam	00	1	D01	17.92	18.67	NV1
301	NGUYỄN ANH KHOA	321728648	06/01/2001	Nữ	00	3	A00	18.64	18.64	NV1
302	BÙI THỊ THÚY NHI	197500182	19/06/2002	Nam	00	3	D01	18.6	18.6	NV1
303	PHẠM VĨNH KIẾT	381952995	24/01/2002	Nữ	00	1	D01	17.8	18.55	NV1
304	NGUYỄN XUÂN THUYỀN	212817736	10/04/2002	Nam	00	2NT	A00	17.98	18.48	NV1
305	NGUYỄN THỊ HẢI NHƯ	079302023114	02/01/2002	Nam	00	3	D01	18.42	18.42	NV1
306	TRẦN MINH PHÚC	022202004277	20/10/2002	Nữ	00	3	D01	18.42	18.42	NV1
307	PHẠM THỊ TƯỜNG VY	206322529	24/04/2002	Nam	00	2	D01	18.16	18.41	NV1
308	LÊ THỊ YẾN NHI	301784075	15/04/2002	Nam	00	2NT	A00	17.88	18.38	NV1
309	VĂN CÔNG VĨ	079202008406	07/09/2002	Nữ	00	3	A01	18.34	18.34	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTU ^T	KVU ^T	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
310	ĐẶNG THỊ THU HIỀN	215562713	10/05/2002	Nam	00	3	D01	18.16	18.16	NV1
311	ĐẶNG VĂN TRÍ	079202015523	04/11/2002	Nữ	00	2	D01	17.9	18.15	NV1
312	LƯỢNG THỊ DUM	264532559	10/10/2002	Nam	01	2	D01	15.82	18.07	NV1

Danh sách này có 312 thí sinh. 

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

